

TRAO ĐỔI NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA KẾ TOÁN QUẢN TRỊ MÔI TRƯỜNG TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

Chúc Kim Vinh* - GS.TS. Chúc Anh Tú* - Ths. Nguyễn Phi Anh*

Kế toán môi trường không chỉ phục vụ mục tiêu hạch toán và báo cáo mà còn là công cụ quản trị quan trọng, giúp Doanh nghiệp cân bằng giữa lợi ích kinh tế và trách nhiệm Bảo vệ môi trường, đồng thời hướng đến phát triển bền vững. Bài viết tạo nền tảng lý luận vững chắc cho việc nghiên cứu và áp dụng Kế toán môi trường trong thực tiễn doanh nghiệp sản xuất. Trên phương diện Kế toán quản trị, chuyên đề đã làm rõ các nội dung về xây dựng định mức và dự toán Chi phí môi trường, xác định Chi phí môi trường và Thu nhập môi trường, cùng với báo cáo thông tin Kế toán quản trị môi trường để hỗ trợ ra quyết định và kiểm soát chi phí môi trường hiệu quả.

• Từ khóa: kế toán môi trường, bảo vệ môi trường, kế toán quản trị môi trường.

Environmental accounting not only serves the purpose of accounting and reporting but is also an important management tool, helping businesses balance economic benefits and environmental protection responsibilities, while aiming for sustainable development. The article creates a solid theoretical foundation for the research and application of Environmental Accounting in the practice of manufacturing enterprises. In terms of Management Accounting, the topic has clarified the contents of establishing norms and estimating Environmental Costs, determining Environmental Costs and Environmental Income, along with reporting Environmental Management Accounting information to support decision making and effective control of environmental costs.

• Key words: environmental accounting, environmental protection, environmental management accounting.

Ngày gửi bài: 20/12/2024

Ngày gửi phản biện: 23/12/2024

Ngày nhận kết quả và sửa phản biện: 05/02/2025

Ngày chấp nhận đăng: 10/02/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i283.07>

1. Xây dựng định mức chi phí môi trường

Việc quản lý Chi phí môi trường (CPMT) hiệu quả đòi hỏi Doanh nghiệp (DN) phải xây dựng định mức CPMT một cách khoa học và hệ thống. Định mức này là nền tảng quan trọng để lập dự toán CPMT, giúp DN dự báo, kiểm soát và tối ưu hóa chi phí phát sinh từ các hoạt động môi trường. Quy trình xây dựng định mức CPMT cần được thực hiện dựa trên nguồn dữ liệu thực tế, bao gồm số liệu thống kê từ nhiều kỳ hoạt động trước, kết hợp với dự báo về các yếu tố có thể ảnh hưởng trong tương lai như quy mô sản xuất, thay đổi công nghệ hay

các quy định pháp lý mới về môi trường. Để đảm bảo độ chính xác và khả thi, các bộ phận liên quan trong DN cần có sự phối hợp chặt chẽ, bao gồm bộ phận sản xuất, bộ phận kế toán và bộ phận quản lý môi trường. Định mức CPMT đóng vai trò là công cụ quản lý CPMT hiệu quả, giúp loại bỏ các khoản chi phí không hợp lý, phát hiện những điểm yếu trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đề xuất các giải pháp khắc phục. Tuy nhiên, không phải DN nào cũng có đủ điều kiện để xây dựng và triển khai công cụ này một cách đầy đủ. Chính vì vậy, hầu hết các DN hiện nay mới chỉ tập trung xây dựng định mức cho chi phí xử lý chất thải, do đây là khoản mục dễ dàng đo lường và kiểm soát hơn so với các CPMT khác.

Định mức chi phí xử lý một đơn vị chất thải chủ yếu được xây dựng dựa trên số liệu thống kê kinh nghiệm thực tế từ các kỳ trước. Định mức này thường được thiết lập riêng cho từng loại chi phí cụ thể, bao gồm:

- Chi phí NVL trực tiếp: Dự toán NVL sử dụng cho hoạt động xử lý chất thải.

- Chi phí nhân công trực tiếp: Bao gồm thời gian làm việc và tiền lương của nhân công tham gia vào hoạt động xử lý chất thải.

- Chi phí sản xuất chung: Gồm chi phí khấu hao thiết bị xử lý, chi phí dịch vụ bên ngoài và các chi phí hỗ trợ khác.

Mỗi loại chi phí này cần được xác định cụ thể dựa trên ba tiêu chí:

- Định mức về lượng: Xác định khối lượng NVL, thời gian lao động và các nguồn lực cần thiết để xử lý một đơn vị chất thải. Định mức về lượng được xác định như sau:

Định mức lượng NVL xử lý chất thải	=	Số lượng NVL cần để xử lý 1 đơn vị chất thải	+	Số lượng NVL hao hụt cho phép	+	Số lượng NVL hư hỏng cho phép
Định mức số lượng nhân công xử lý chất thải	=	Thời gian lao động trực tiếp xử lý 1 đơn vị	+	Thời gian vận hành máy móc, thiết bị (nếu có)	+	Thời gian ngừng nghỉ máy móc thiết bị (nếu có)

* Học viện Tài chính; email: chucanhtu@hvtc.edu.vn

- Định mức về giá: Dựa trên đơn giá của từng loại chi phí cụ thể như giá NVL, giá nhân công hoặc chi phí dịch vụ xử lý. Định mức về giá chi phí xử lý chất thải được xác định như sau:

$$\text{Định mức giá NVL xử lý chất thải} = \text{Giá mua theo hóa đơn tính cho 1 đơn vị NVL} + \text{Chi phí thu mua tính cho 1 đơn vị NVL} - \text{Chiết khấu, giảm giá cho 1 đơn vị NVL (nếu có)}$$

$$\text{Định mức giá nhân công xử lý chất thải} = \text{Tiền lương cơ bản cho 1 đơn vị thời gian} + \text{Các khoản phụ cấp có tính chất lương cho 1 đơn vị thời gian} + \text{Các khoản bảo hiểm của nhân công xử lý chất thải}$$

- Định mức giá trị chi phí: Tính tổng chi phí xử lý một đơn vị chất thải dựa trên định mức lượng và định mức giá. Định mức chi phí xử lý chất thải được xác định như sau:

$$\text{Định mức chi phí NVL xử lý chất thải} = \text{Định mức lượng NVL xử lý chất thải} \times \text{Định mức giá NVL xử lý chất thải}$$

$$\text{Định mức chi phí nhân công xử lý chất thải} = \text{Định mức số lượng nhân công xử lý chất thải} \times \text{Định mức giá nhân công xử lý chất thải}$$

2. Dự toán chi phí môi trường

CPMT là một bộ phận quan trọng trong tổng chi phí Sản xuất kinh doanh của DN. Vì vậy, quá trình lập dự toán CPMT cũng phải tuân thủ các nguyên tắc, trình tự và phương pháp lập dự toán chi phí của kế toán truyền thống. Điều này đảm bảo sự đồng bộ và chính xác trong quá trình quản lý chi phí tổng thể của DN. Dựa trên các loại định mức CPMT đã được xác định trước, bộ phận lập dự toán của DN sẽ tiến hành xây dựng dự toán CPMT. Dự toán này đóng vai trò như một công cụ quan trọng để ước tính các nguồn lực cần thiết cho kỳ kế hoạch tiếp theo. Điều này không chỉ giúp kiểm soát chi phí mà còn nâng cao tính minh bạch và hiệu quả trong quản lý CPMT.

Phương pháp lập dự toán đối với từng loại chi phí như sau:

Dự toán chi phí xử lý chất thải

Dự toán chi phí xử lý chất thải đóng vai trò quan trọng trong việc giúp DN chủ động quản lý chi phí phát sinh từ các hoạt động xử lý chất thải, đảm bảo tính hiệu quả và minh bạch trong quá trình sản xuất. Việc lập dự toán này cần dựa trên cơ sở vững chắc, bao gồm khối lượng sản phẩm dự kiến sản xuất và tỷ lệ phế liệu, chất thải được xác định từ kết quả thống kê và kinh nghiệm thực tiễn của DN. Dự toán này giúp DN ước tính chính xác số lượng chất thải phát sinh trong kỳ kế hoạch. Tiếp theo, DN tiến hành lập dự toán về số lượng NVL cần mua để xử lý chất thải, bao gồm cả NVL bị thất thoát trong quá trình sản xuất và lượng NVL tồn kho đầu kỳ, cuối kỳ. Trên cơ sở đó, DN xác định được giá trị NVL cần mua dựa vào đơn giá NVL đã được xác lập từ trước.

Song song với việc dự toán NVL, DN cũng cần lập dự toán chi phí nhân công trực tiếp liên quan đến quá trình xử lý chất thải. Để làm điều này, trước hết, DN cần tính toán thời gian lao động trực tiếp dựa trên khối lượng

chất thải ước tính và định mức thời gian lao động tiêu chuẩn. Tùy vào đặc thù hoạt động, DN có thể lựa chọn lập dự toán chung cho toàn bộ các khoản chi phí này hoặc lập riêng cho từng khoản mục. Dự toán này phải tuân thủ theo quy định của Nhà nước về CPMT và dựa trên kết quả thống kê từ các kỳ trước để đảm bảo tính chính xác và hợp lý.

Dự toán chi phí phòng ngừa và quản lý môi trường

Dự toán chi phí phòng ngừa và quản lý môi trường được xây dựng dựa trên dữ liệu thống kê từ các kỳ hoạt động trước đó và kế hoạch hoạt động môi trường của DN trong năm kế hoạch. Những dữ liệu này bao gồm chi phí thực tế đã phát sinh cho các hoạt động phòng ngừa, quản lý ô nhiễm, cũng như các kế hoạch đầu tư, cải tiến công nghệ và triển khai các dự án môi trường mới. Thông thường, nhiều DN gộp chi phí phòng ngừa và quản lý môi trường vào chi phí QLDN. Trong quá trình lập dự toán, DN có thể áp dụng nhiều phương pháp khác nhau tùy thuộc vào đặc thù hoạt động và khả năng quản lý chi phí. Phương pháp này yêu cầu tách bạch từng khoản mục chi phí, từ chi phí dịch vụ, chi phí nhân công, chi phí nghiên cứu phát triển đến chi phí đầu tư.

Dự toán chi phí NVL phi sản phẩm

Quá trình lập dự toán chi phí NVL phi sản phẩm bắt đầu từ việc xác định khối lượng NVL bị thất thoát và chuyển hóa thành các đầu ra phi sản phẩm dựa trên số liệu thống kê từ các kỳ trước và định mức tiêu hao NVL tiêu chuẩn. Điều này bao gồm các yếu tố như NVL thô bị hao hụt trong quá trình gia công, NVL phụ trợ sử dụng không hiệu quả, NVL vận hành bị thất thoát trong quá trình hoạt động của máy móc, năng lượng tiêu hao không cần thiết, và nước... và các yếu tố khác như điều kiện sản xuất và khả năng cải tiến công nghệ. Việc này giúp DN dự báo chính xác mức tổn thất NVL và có các biện pháp kiểm soát phù hợp. Tiếp đến, DN tính toán chi phí NVL phi sản phẩm thông qua việc nhân khối lượng NVL phi sản phẩm với đơn giá NVL tương ứng. Đơn giá này bao gồm chi phí mua NVL, chi phí vận chuyển, chi phí lưu kho, và các chi phí liên quan khác. Bên cạnh đó, DN cũng cần tính thêm các chi phí phát sinh khác và chi phí khắc phục sự cố phát sinh từ lãng phí NVL.

Dự toán chi phí xử lý đầu ra phi sản phẩm

Trước hết, DN cần xác định khối lượng sản phẩm lỗi dự kiến phát sinh trong kỳ kế hoạch. Điều này thường được thực hiện dựa trên dữ liệu thống kê từ các kỳ trước và điều chỉnh theo quy mô sản xuất và điều kiện công nghệ của kỳ tới. Các sản phẩm lỗi có thể xuất hiện ở nhiều công đoạn khác nhau của quá trình sản xuất, từ khâu nguyên liệu, gia công đến đóng gói. DN cần phân loại rõ ràng sản phẩm lỗi thành sản phẩm có thể sửa chữa, tái chế và sản phẩm không thể khắc phục để có phương án xử lý phù hợp. Tiếp theo, DN tiến hành tính toán các chi phí phát sinh trong quá trình xử lý sản phẩm lỗi. Chi phí này bao gồm nhiều khoản mục khác nhau, mỗi khoản mục phản ánh một khía cạnh cụ thể của quá

trình xử lý. Chi phí lao động là khoản đầu tiên cần được xem xét, bao gồm tiền lương và các khoản phụ cấp cho nhân công thực hiện việc phân loại, sửa chữa hoặc xử lý sản phẩm lỗi. Thời gian làm việc của lao động này cần được xác định dựa trên định mức thời gian lao động tiêu chuẩn và đơn giá tiền lương theo giờ.

Bên cạnh chi phí lao động, chi phí khấu hao máy móc và thiết bị xử lý cũng là một yếu tố quan trọng. Nếu những chi phí này chưa được tính trong các hạng mục chi phí trước đó, chúng cần được bổ sung vào chi phí xử lý sản phẩm lỗi.

Chi phí dịch vụ bên ngoài cũng là một phần quan trọng trong dự toán. Trong nhiều trường hợp, DN phải thuê các đơn vị chuyên nghiệp để xử lý, tái chế hoặc tiêu hủy những sản phẩm lỗi không thể xử lý nội bộ. Chi phí này thường được tính dựa trên đơn giá dịch vụ xử lý chất thải hoặc sản phẩm lỗi do nhà cung cấp đưa ra.

Cuối cùng, DN cần xem xét các chi phí khác liên quan đến quá trình xử lý, bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí lưu kho tạm thời, chi phí hành chính và các khoản chi phí phát sinh khác. Tổng chi phí này bao gồm tất cả các yếu tố đã liệt kê và được phân bổ vào các trung tâm chi phí hoặc công đoạn sản xuất phù hợp.

3. Xác định chi phí môi trường

Hiện tại có nhiều phương pháp xác định CPMT do các tổ chức kế toán quốc tế đưa ra, ví dụ như, phương pháp xác định chi phí theo chu kỳ sống của sản phẩm (Life Cycle Costing - LCC), phương pháp xác định chi phí dựa trên hoạt động (Activity-Based Costing - ABC), phương pháp xác định chi phí theo dòng lưu chuyển vật liệu (Material Flow Cost Accounting - MFCA)... Phương pháp MFCA là một công cụ quan trọng trong KTQMT, được áp dụng rộng rãi trên toàn thế giới, đặc biệt trong các DN sản xuất bởi các DN này có tỷ lệ chi phí vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí hoạt động. MFCA hoạt động dựa trên nguyên tắc cơ bản rằng mọi tổn thất NVL đều tạo ra chi phí, bất kể chúng có được chuyển hóa thành sản phẩm hay bị thải loại trong quá trình sản xuất. Phương pháp này xem xét mối quan hệ giữa đầu vào và đầu ra của NVL, trong đó chất thải chính là sự chênh lệch giữa lượng nguyên liệu đầu vào và lượng sản phẩm đầu ra. Mục tiêu chính của MFCA là xác định rõ dòng chảy vật liệu trong quá trình sản xuất, nhận diện tổn thất và tính toán chi phí phát sinh từ các tổn thất này.

Quy trình áp dụng MFCA bắt đầu bằng việc theo dõi dòng chảy của nguyên liệu qua từng công đoạn sản xuất. Dữ liệu chi tiết về khối lượng nguyên liệu, năng lượng tiêu thụ, chất thải phát sinh và sản phẩm hoàn thành sẽ được ghi nhận một cách rõ ràng. Sau đó, DN tiến hành xác định tổn thất nguyên liệu thông qua sự chênh lệch giữa đầu vào và đầu ra. Bước tiếp theo là tính toán chi phí tổn thất, bao gồm chi phí NVL, chi phí nhân công, chi phí xử lý chất thải và các chi phí vốn khác liên quan đến phần vật liệu bị lãng phí. Điểm đặc biệt của MFCA

là giá trị của chất thải được xác định dựa trên chi phí mua NVL. Điều này có nghĩa là ngay cả phần nguyên liệu bị lãng phí cũng được định giá như các sản phẩm hoàn chỉnh. Do đó, DN không chỉ nhìn thấy tổn thất về mặt vật liệu mà còn hiểu rõ chi phí kinh tế phát sinh từ những tổn thất này.

Trình tự xác định CPMT theo dòng luân chuyển vật liệu thực hiện theo 5 bước sau:

Bước 1. Tìm hiểu quá trình sản xuất sản phẩm của DN.

Bước 2. Tập hợp thông tin về các loại vật liệu sử dụng trong từng giai đoạn sản xuất, những vật liệu có khả năng tạo chất thải.

Bước 3. Xác định chất thải có thể do hoạt động SXKD của DN.

Bước 4. Xác định lượng vật liệu của chất thải, lượng vật liệu không đi vào giá thành sản phẩm.

Bước 5. Xác định chi phí vật liệu của chất thải, vật liệu không đi vào sản phẩm.

CPVL của chất thải = Lượng chất thải x Đơn giá vật liệu

Trong đó, lượng chất thải được tính như sau:

Lượng chất thải = Khối lượng vật liệu đưa vào sản xuất - Khối lượng sản phẩm tích cực

Vì hiệu suất sản xuất sản phẩm được xác định bằng tỷ lệ giữa khối lượng sản phẩm tích cực và khối lượng vật liệu đưa vào sản xuất, do đó đối với bộ phận kế toán có thể căn cứ vào hiệu suất sản xuất sản phẩm từ bộ phận sản xuất chuyển sang để tính lượng chất thải theo công thức sau:

Lượng chất thải = $\frac{\text{Khối lượng vật liệu đưa vào sản xuất}}{\text{Khối lượng vật liệu đưa vào sản xuất}} \times (1 - \text{Hiệu suất sản xuất sản phẩm})$

MFCA giúp cho việc gia tăng tính minh bạch của dòng vật liệu, giúp nâng cao hiệu quả sử dụng vật liệu, hiệu quả sinh thái, dẫn đến cải thiện cả về kinh tế và môi trường, hỗ trợ DN ra quyết định liên quan đến quy trình sản xuất, kế hoạch sản xuất, đánh giá đầu tư máy móc và thiết bị, kiểm soát chất lượng, thiết kế sản phẩm, thay thế NVL, tăng khả năng tái chế, tìm kiếm cơ hội gia tăng lợi ích tài chính bằng cách giảm chi phí vật liệu, giảm tác động môi trường. Tuy nhiên, việc áp dụng MFCA cũng đi kèm với những thách thức nhất định. Đầu tiên là DN phải có một hệ thống dữ liệu chi tiết và chính xác để theo dõi dòng chảy vật liệu. Ngoài ra, cần có đội ngũ nhân sự có chuyên môn cao để phân tích và xử lý dữ liệu một cách hiệu quả. Chi phí triển khai ban đầu cũng có thể là một rào cản đối với các DN có quy mô nhỏ.

4. Dự toán thu nhập môi trường

Thu nhập môi trường (TNMT) có thể được chia thành TNMT trực tiếp và TNMT gián tiếp, mỗi loại phản ánh các nguồn thu nhập với bản chất và cách đo lường khác nhau. TNMT trực tiếp là các khoản thu nhập phát sinh trực tiếp từ các hoạt động môi trường của doanh nghiệp, chẳng hạn như bán chất thải, phế liệu, nguyên liệu tái

chế hoặc chuyển nhượng hạn ngạch khí thải. Các khoản thu nhập này thường có tính chất rõ ràng, dễ đo lường và được ghi nhận trực tiếp vào các tài khoản kế toán phù hợp. TNMT gián tiếp là các khoản lợi ích kinh tế không phát sinh trực tiếp từ hoạt động bán chất thải hoặc phế liệu mà đến từ việc tiết kiệm chi phí, tối ưu hóa việc sử dụng nguyên vật liệu, tránh được các chi phí pháp lý liên quan đến vi phạm quy định môi trường, hoặc gia tăng giá trị thương hiệu nhờ các hoạt động xanh. TNMT gián tiếp thường khó đo lường hơn và yêu cầu sử dụng các phương pháp tính toán cụ thể. Sau khi đã xác định được TNMT trực tiếp và gián tiếp, tổng thu nhập môi trường trong kỳ sẽ được tổng hợp thông qua công thức sau:

$$\text{TNMT} = \text{TNMT trực tiếp} + \text{TNMT gián tiếp}$$

Xác định TNMT trực tiếp

Xác định TNMT trực tiếp có thể được thực hiện thông qua định mức thu nhập trên mỗi đơn vị chất thải hoặc phế liệu nhân với tổng khối lượng chất thải thanh lý trong kỳ. Phương pháp này phản ánh rõ ràng mối quan hệ giữa giá trị thu nhập và lượng chất thải hoặc phế liệu được bán.

$$\text{TNMT trực tiếp} = \text{Định mức thu nhập} \times \text{Khối lượng chất thải thanh lý}$$

Trong đó, định mức thu nhập là giá trị trung bình thu được từ mỗi đơn vị chất thải hoặc phế liệu bán ra, có thể xác định thông qua giá thị trường, dữ liệu lịch sử hoặc báo giá từ các đối tác thu mua.

Xác định TNMT gián tiếp

Đối với TNMT gián tiếp, quá trình xác định thường dựa trên việc so sánh chi phí thực tế với chi phí dự kiến nếu không áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường, tiết kiệm tài nguyên hoặc cải tiến quy trình sản xuất. Khoản chênh lệch giữa chi phí dự kiến và chi phí thực tế sẽ phản ánh phần lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được từ các hoạt động này.

Trong đó, chi phí dự kiến là chi phí mà doanh nghiệp dự kiến phải chi trả nếu không áp dụng các biện pháp cải tiến hoặc bảo vệ môi trường; chi phí thực tế là chi phí thực tế đã phát sinh sau khi áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường.

$$\text{TNMT gián tiếp} = \text{Chi phí dự kiến (nếu không có biện pháp BVMT)} - \text{Chi phí thực tế (đã áp dụng biện pháp BVMT)}$$

Ví dụ, DN có thể có được thu nhập gián tiếp thông qua đầu tư vào các công nghệ sản xuất sử dụng nguyên liệu tối ưu hơn. Khi đó:

Chi phí nguyên liệu dự kiến	=	Đơn giá nguyên liệu	x	Khối lượng nguyên liệu tiêu hao khi sử dụng công nghệ cũ
Chi phí nguyên liệu thực tế	=	Đơn giá nguyên liệu	-	Khối lượng nguyên liệu tiêu hao khi sử dụng công nghệ mới
TNMT gián tiếp	=	Chi phí nguyên liệu dự kiến	-	Chi phí nguyên liệu thực tế

Việc xác định TNMT gián tiếp bao gồm các khoản mục như tiết kiệm chi phí xử lý chất thải, giảm thiểu chi

phí nguyên vật liệu nhờ tái chế, chi phí tiết kiệm từ việc tối ưu hóa năng lượng và nước, cũng như chi phí pháp lý mà doanh nghiệp tránh được nhờ tuân thủ đầy đủ các quy định môi trường.

5. Cung cấp thông tin kế toán quản trị môi trường

Kế toán quản trị môi trường (KTQTMT) cung cấp thông tin cho các nhà quản trị DN thông qua các Báo cáo nội bộ môi trường, còn được gọi là Báo cáo KTQTMT. Báo cáo KTQTMT là công cụ quan trọng giúp các nhà quản trị DN nắm bắt và phân tích thông tin liên quan đến chi phí và hiệu quả hoạt động môi trường. Mục tiêu của báo cáo này là cung cấp dữ liệu chi tiết, rõ ràng và phù hợp để hỗ trợ quá trình ra quyết định, đồng thời đảm bảo sự phát triển bền vững của DN trong dài hạn. Khác với báo cáo môi trường bên ngoài, vốn phải tuân thủ các quy định pháp lý và chuẩn mực kế toán, báo cáo KTQTMT không bị ràng buộc bởi các khuôn khổ pháp lý cứng nhắc. Thay vào đó, nội dung và hình thức của báo cáo này được thiết lập linh hoạt dựa trên nhu cầu thông tin cụ thể của từng DN và định hướng chiến lược của ban lãnh đạo. Báo cáo KTQTMT không chỉ trình bày thông tin tài chính mà còn bao gồm các dữ liệu vật lý về môi trường. Những số liệu này được thể hiện rõ ràng, chi tiết dưới dạng dự toán hoặc kết quả thực tế, giúp nhà quản trị dễ dàng so sánh và đánh giá hiệu quả hoạt động.

Bên cạnh đó, báo cáo cũng cung cấp thông tin định tính về các yếu tố như hiệu quả môi trường, tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường, và các biện pháp cải thiện tình trạng này. Ví dụ, DN có thể phân tích dòng luân chuyển vật liệu, năng lượng, hoặc hiệu suất sử dụng tài nguyên để tìm ra các điểm yếu và cơ hội tối ưu hóa trong quy trình sản xuất. Điểm nổi bật của báo cáo KTQTMT nằm ở tính linh hoạt và khả năng thích ứng với đặc thù của từng DN. Nhà quản trị có thể yêu cầu các báo cáo chi tiết hơn về một khía cạnh cụ thể, ví dụ như chi phí xử lý chất thải hoặc hiệu quả của công nghệ xử lý môi trường mới.

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Tài chính (2008), "Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam", Nhà xuất bản Tài chính.
 Bộ Tài chính (2014), "Thông tư số 200/2014/TT-BTC: Hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp", Hà Nội: Bộ Tài chính.
 Dương Thị Thanh Hiền (2024), "Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến thực hiện kế toán môi trường và tác động của thực hiện kế toán môi trường đến thành quả hoạt động của các doanh nghiệp thủy sản tại Việt Nam", Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường đại học Duy Tân.
 Hoàng Thị Bích Ngọc (2017), "Kế toán quản trị chi phí môi trường trong các doanh nghiệp chế biến dầu khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam", Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường đại học Thương mại.
 Lâm Thị Trúc Linh (2019), "Các nhân tố tác động đến việc công bố thông tin kế toán môi trường tại các doanh nghiệp nuôi trồng thủy sản Việt Nam", Luận án tiến sĩ, Trường đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
 Lê Anh Tuấn (2022), "Các nhân tố ảnh hưởng đến công bố Báo cáo phát triển bền vững tại các công ty kinh doanh xăng dầu thuộc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam", Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
 Nguyễn Thị Kim Tuyền (2019), "Kế toán môi trường tại các doanh nghiệp khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Định", Tạp chí Tài chính - Quản trị kinh doanh, (16), tr.65-72.
 Nguyễn Thị Nga (2017), "Kế toán quản trị chi phí môi trường trong các doanh nghiệp sản xuất thép tại Việt Nam", Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường đại học Kinh tế quốc dân.
 Nguyễn Thị Tâm (2018), "Kế toán môi trường tại các doanh nghiệp xây dựng công trình thủy điện Việt Nam: Thực trạng và giải pháp hoàn thiện", Tạp chí Công thương, (2), tr.344-348.
 Nguyễn Văn Hùng (2023), "Kế toán môi trường tại Việt Nam", Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, (4), tr.68-70.
 Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2015), "Luật số 88/2015/QH13: Luật Kế toán", Hà Nội: Quốc hội.
 Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2020), "Luật số 72/2020/QH14: Luật Bảo vệ môi trường", Hà Nội: Quốc hội.
 Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam Khóa XIII (2015), "Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015", Hà Nội.
 Trần Hải Long, Ngô Văn Lượng (2023), "Thực trạng kế toán tài chính môi trường và giải pháp hoàn thiện", Tạp chí Nghiên cứu Tài chính - Kế toán, 4(2), tr.20-25.